TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 158/2020/DS-ST
Ngày: 20-8-2020
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Mứt

Ông Phạm Văn Vũ

Thư ký phiên toà: Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú *tham gia phiên tòa*: Ông Phan Văn Y – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2020 tại phòng xét xử của Toà án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2019 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐXXST- DS ngày 12 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1969

Nơi cư trú: 114/1 ấp GB, xã GT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

**** Bị đơn:***

1. Bà Trần Thị N, sinh năm 1941 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Ông Huỳnh Văn G, sinh năm 1971

Cùng nơi cư trú: 3/1 ấp GB, xã GT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

* ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Phạm Văn K, sinh năm 1966

2. Ông Phạm Văn C, sinh năm 1989

Cùng nơi cư trú: 114/1 ấp GB, xã GT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

3. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1993

Nơi cư trú: 174/3 ấp ĐT, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Phạm Văn K, ông Phạm Văn Văn C và bà Phạm Thị T là bà Huỳnh Thị G theo văn bản ủy quyền ngày 22/5/2020.

4. Bà Lê Thị Y, sinh năm 1974

5. Chị Huỳnh Thị Thùy L, sinh năm 2001

6. Anh Huỳnh Minh K, sinh năm 2004

Cùng nơi cư trú: 3/1 ấp GB, xã GT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

7. Chị Huỳnh Thị Thu N, sinh năm 1994

Nơi cư trú: 77/2 ấp AH, xã AN, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Lê Thị Y, chị Huỳnh Thị Thùy L, anh Huỳnh Minh K và chị Huỳnh Thị T Nhi là ông Huỳnh Văn G theo văn bản ủy quyền ngày 21/5/2020.

(Các đương sự có mặt tại tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị G. Đồng thời là đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn K, ông Phạm Văn C và bà Phạm Thị T trình bày:

Năm 1989 mẹ bà là bà Trần Thị N có cho bà một phần đất chiều ngang khoảng 07 mét, chiều dài khoảng 30 mét, diện tích khoảng 210 m^2 đất do bà Trần Thị N đứng tên. Khi cho đất bà Nghiêm không có làm giấy tờ, sau khi được cho đất bà đã cất nhà trên đất từ năm 1989 cho đến nay, trước đây bà làm nhà bằng cột cây nay là cột bêtông. Đến ngày 29/10/2001 bà Nghiêm có lập "Tờ di chúc" cho bà phần đất nêu trên. Năm 2015 do bà đi làm ăn xa, ông Huỳnh Văn G đã kê khai đăng ký và được cấp quyền sử dụng đất trong đó có phần đất bà Nghiêm đã cho bà vào năm 1989.

Bà khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị N và ông Huỳnh Văn G tiếp tục thực hiện việc tặng đất để bà được đứng tên quyền sử dụng đất. Nay bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Huỳnh Văn G và bà Trần Thị N phải trả giá trị phần đất đã cho và giá trị căn nhà trên đất theo giá của Hội đồng định giá là 1.400.000 đồng/m^2. Phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế có diện tích 198,2 m^2 (thửa 97A) thuộc một phần thửa 97, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp Giao Bình, xã Giao Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre có giá trị là 277.480.000 đồng và giá trị căn nhà trên đất là 12.432.000 đồng, giá trị cống nước là 1.500.000 đồng. Tổng cộng là 291.412.000 đồng (Hai trăm chín mươi mốt triệu, bốn trăm mười hai ngàn).

Bà đồng ý với họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa số 97 tờ bản đồ số 9 xã Giao Thạnh, huyện Thạnh Phú được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thạnh Phú ký ngày 30/9/2019 và biên bản định giá tài sản ngày 30/7/2019 của Hội đồng định giá huyện Thạnh Phú. Bà không có yêu cầu đo đạc, định giá lại.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Văn G. Đồng thời là đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Y, chị Huỳnh Thị Thùy L, anh Huỳnh Minh K và chị Huỳnh Thị Thu N trình bày:

Bà Huỳnh Thị G là chị ruột của ông. Năm 1990, bà Huỳnh Thị G được mẹ là bà Trần Thị N cho 11 công đất, bà Giới đã bán hết. Phần đất thửa số 97 tờ bản đồ số 9 có diện tích 1.077,6 m^2 tọa lạc tại ấp Giao Bình, xã Giao Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hiện nay do ông đứng tên quyền sử dụng đất là do mẹ là bà Trần Thị N cho ông. Trước đây mẹ ông là bà Nghiêm có cho bà Giới cất nhà ở tạm trên đất, chứ không có cho luôn đất. Phần đất này ông được mẹ tặng cho và được Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Phú cấp quyền sử dụng đất vào ngày 12/3/2015 ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị G.

Hiện tại bà Huỳnh Thi Giới còn có một phần đất khác có diện tích khoảng 6.700m^2 do mẹ là bà Trần Thị N vừa bán vừa cho bà Huỳnh Thị G. Do ông và bà Giới là con của Liệt sĩ nên bà Giới đã được Nhà nước hỗ trợ 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) để xây nhà theo chính sách người có công trên phần đất này tại số 114/1 ấp Giao Bình, xã Giao Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre . Hiện tại gia đình bà Giới đang sống ổn định tại căn nhà này.

Do phần đất này mẹ ông là bà Nghiêm đã cho ông, bà Nghiêm chỉ cho bà Giới ở nhờ trên đất. Nay có nhu cầu sử dụng đất nên ông phản tố yêu cầu bà Huỳnh Thị G và tất cả các thành viên của gia đình bà Giới phải tháo dỡ, di dời toàn bộ căn nhà trả lại phần đất đo đạc thực tế có diện tích 198,2 m^2 (thửa 97A) thuộc một phần thửa 97, tờ bản đồ số 9 do ông đứng tên quyền sử dụng đất. Ông đồng ý hỗ trợ 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) cho bà Giới di dời nhà và đồng ý cho gia đình bà Giới lưu cư 03 (ba) tháng.

Ông đồng ý với Họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa số 97 tờ bản đồ số 9 xã Giao Thạnh, huyện Thạnh Phú được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thạnh Phú ký ngày 30/9/2019 và biên bản định giá tài sản ngày 30/7/2019 của Hội đồng định giá huyện Thạnh Phú. Ông không có yêu cầu đo đạc, định giá lại.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/6/2020 bị đơn bà Trần Thị N có trình bày:

Bà thừa nhận trước đây bà có cho con là bà Huỳnh Thị G một phần đất để cất nhà ở nhờ. Khi cho ở nhờ bà Giới hứa chăm sóc bà đến hết đời nhưng sau đó bà Giới không chăm sóc bà như đã hứa mà còn chửi và xúc phạm đến danh dự bà nhiều lần. Do bà Giới còn có phần đất khác và trên đất có nhà do Nhà nước xây dựng cho con Liệt sĩ nên bà không cho bà Giới ở nhờ trên đất nữa.

Hiện nay bà sinh sống với con trai là Huỳnh Văn G, ông Gương đã chăm sóc và lo cuộc sống cho bà nên bà cho ông Gương phần đất của bà. Trên phần đất cho ông Gương trước đây bà cho bà Giới cất nhà ở nhờ. Hiện nay đất của bà đã cho hết con trai ông Huỳnh Văn G và ông Gương được cấp quyền sử dụng đất. Bà đề nghị bà Giới tháo dỡ, di dời nhà trả lại toàn bộ phần đất lại cho ông Gương, bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Giới. Do tuổi cao đi lại khó khăn nên bà đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa bà Huỳnh Thị G giữ nguyên khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Văn G, bà Trần Thị N phải trả giá trị phần đất diện tích 198,2 m^2 là 277.480.000 đồng và giá trị

nhà, cống nông chứa nước là 13.932.000 đồng. Tổng cộng là 291.412.000 đồng (Hai trăm chín mươi mốt triệu, bốn trăm mười hai ngàn).

Bị đơn ông Huỳnh Văn G không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Giới. Đồng thời vẫn giữ nguyên phản tố, yêu cầu bà Huỳnh Thị G và các thành viên trong gia đình bà Giới phải tháo dỡ, di dời căn toàn bộ căn nhà trả lại phần đất có diện tích 198,2 m^2 (thửa 97A) thuộc một phần thửa 97, tờ bản đồ số 9 do ông đứng tên quyền sử dụng đất. Ông đồng ý hỗ trợ cho bà Giới 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) di dời nhà và đồng ý cho gia đình bà Giới lưu cư 03 (ba) tháng.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/7/2019 thể hiện phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế có diện tích 198,2 m^2 (thửa 97A) thuộc một phần thửa 97, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp Giao Bình, xã Giao Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre ông Huỳnh Văn G đứng tên quyền sử dụng đất. Trên đất có 01 căn nhà của bà Huỳnh Thị G.

Tại biên bản về việc định giá tài sản ngày 30/7/2019 các đương sự thống nhất giá đất là 1.400.000 đồng/m^2:

- Về đất: có giá trị 277.480.000 đồng;

- Về nhà: Nhà chính có giá trị 7.854.000 đồng; nhà sau có giá trị là 4.578.000 đồng; giếng tầng nông chứa nước: 1.500.000 đồng. Giá trị nhà + giếng tầng chứa nước là 13.932.000 đồng

Tổng giá trị đất, nhà giếng tầng chứa nước là 291.412.000 đồng (Hai trăm chín mươi mốt triệu, bốn trăm mười hai ngàn).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án*: Căn cứ vào nguồn gốc đất, quá trình quản lý sử dụng đất của nguyên đơn bà Huỳnh Thị G. Đề nghị Hội đồng xé xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về căn nhà và giếng nông chứa nước trên đất đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Đề nghị ghi nhận việc bị đơn ông Huỳnh Văn G tự nguyện hỗ trợ chi phí di dời nhà là 15.000.000 đồng và cho gia đình bà Giới lưu cư 03 (ba) tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị G vụ án có quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất" đất tranh chấp tọa lạc tại xã Giao Thạnh, huyện Thạnh Phú và bị đơn bà Trần Thị N, ông Huỳnh Văn G có nơi cư trú tại ấp Giao Bình, xã Giao Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

2. Về nội dung tranh chấp:

[1] Phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế có diện tích 198,2 m^2 (thửa 97A) thuộc một phần thửa 97, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp Giao Bình, xã Giao Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre ông Huỳnh Văn G đứng tên quyền sử dụng đất. Trên đất có căn nhà của bà Huỳnh Thị Gương.

[2] Về nguồn gốc đất theo đo đạc 299 thuộc thửa 495, 496 tờ bản đồ số 01 có diện tích 625 m^2, còn lại 452,6 m^2 là do chênh lệnh hai lần đo chưa có giấy, đất do bà Trần Thị N đứng tên. Phần đất này bà Nghiêm đã cho ông Huỳnh Văn G năm 2006, đến ngày 27/01/2015 bà Trần Thị N làm giấy tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn G, ông Gương được Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Phú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 12/3/2015 với diện tích 1.077,6 m^2 thuộc thửa 97, tờ bản đồ số 9 tọa lạc ấp GB, xã GT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

[3] Nguyên đơn bà Huỳnh Thị G cho rằng: Năm 1989 mẹ bà là Trần Thị N có cho bà một phần đất ngang 07 mét, dài khoảng 30 mét có diện tích khoảng 210 m^2 tại thời điểm cho đất chưa có giấy tờ, việc bà Nghiêm cho đất là cho luôn chứ không phải cho bà ở nhờ trên đất. Đến ngày 29/10/2001 bà Nghiêm có lập "Tờ di chúc" để hợp thức việc mẹ bà cho bà đất năm 1989. Do bà đi làm ăn xa ông Huỳnh Văn G tự kê khai, đăng ký được cấp quyền sử dụng đất trong đó có phần đất mẹ bà đã cho, nhưng quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà Huỳnh Thị G không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ.

[4] Xét việc bà Trần Thị N cho bà Huỳnh Thị G một phần đất, giao dịch được xác lập năm 1989 và năm 2011 nhưng không được lập thành văn bản, sau khi được tặng cho đất bà Giới không đi kê khai, đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 463 của Bộ luật dân sự 1995 và khoản 1 Điều 467 của Bộ luật dân sự 2005 "*Tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực ……. phải đăng ký nếu theo quy định của pháp luật bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu"* do bà Nghiêm và bà Giới không thực hiện việc tặng cho quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật định nên không được xem là hợp pháp.

[5] Xét nội dụng "Tờ di chúc" ngày 29/10/2001 (BL 18) ủy quyền lại cho 02 đứa con "Huỳnh Văn G giáp ranh đất đất Tư Phên đo ra 13,5 m dài 26m" và , "Huỳnh Thị G phần đất giáp ranh vớn Ba Xem" không thể hiện nội dung bà Trần Thị N cho bà Giới phần đất ngang 07 mét, dài khoảng 30 mét có diện tích khoảng 210 m^2 như bà Giới lời trình bày, mà chỉ thể hiện nội dung "phần đất giáp ranh với Ba Xem". Bà Nghiêm lập di chúc nhưng hiện nay bà Nghiêm vẫn còn sống nên "Tờ di chúc" nêu trên chưa phát sinh

hiệu lực và không có giá trị pháp lý. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai ngày 03/6/2020 bà Trần Thị N cho rằng bà cho bà Huỳnh Thị G một phần đất để cất nhà ở nhờ, nhưng bà Giới phải chăm sóc bà đến hết đời nhưng bà Giới không chăm sóc bà như đã hứa nên bà không cho bà Giới ở nhờ trên đất nữa. Bà Huỳnh Thị G cho rằng bà Nghiêm đã cho bà phần đất chứ không phải cho ở nhờ nhưng không được bà Nghiêm thừa nhận, bà Giới không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Giới về yêu cầu bà Nghiêm và ông Gương trả giá trị đất.

[6] Xét yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Văn G. Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 27/01/2015 bà Trần Thị N tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn G, ông Gương được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 12/3/2015 với diện tích 1.077,6 m^2 thuộc thửa 97, tờ bản đồ số 9 trong đó có phần đất tranh chấp diện tích 198,2 m^2 (thửa 97A).

[7] Tại phiên tòa bà Huỳnh Thị G thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Trần Thị N và ông Gương phải trả giá trị đất và giá trị nhà, thừa nhận hiện nay gia đình bà còn có nhà và đất khác. Như vậy, cho thấy bà Huỳnh Thị G không có nhu cầu về chổ ở. Bà Huỳnh Thị G không chứng minh được phần đất 198,2 m^2 (thửa 97A) là đất mà bà Nghiêm đã tặng cho bà, mà phần đất này bà Nghiêm chỉ cho bà Giới ở nhờ, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Văn G, cần buộc bà Giới cùng các thành viên trong gia đình bà Giới phải tháo dỡ, di dời nhà trả lại phần đất có diện tích 198,2 m^2 (thửa 97A) cho ông Gương là đúng quy định. Tuy nhiên, nếu bà Giới tháo dỡ di dời toàn bộ căn nhà và tài sản khác gắn liền với đất sẽ giảm giá trị sử dụng nên cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Giới trả giá trị căn nhà và tài sản khác gắn liền với đất bà Giới. Ông Huỳnh Văn G được quản lý, sử dụng toàn bộ căn nhà và tài sản khác gắn liền với đất là phù hợp. Ghi nhận ông Huỳnh Văn G tự nguyện hỗ trợ chi phí di dời cho bà Huỳnh Thị G số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) và cho bà Giới lưu cư trong 03 (ba) tháng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[8] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, định giá đã được quyết toán xong nên không đề cập.

[10] Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự không tranh chấp và không có yêu cầu nào khác nên không đề cập xem xét.

Các đương phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 12, 26, 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 165, 228 Điều 235, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 106, điểm b khoản 1 Điều 127, khoản 1 Điều 146 của Luật Đất đai năm 2003;

Điều 26, 100, 166, 170, 203 Luật đất đai 2013; Điều 467, 688, 689, 722, 723 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 116, 119, 500, 501, 502 của Bộ luật Dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị G về việc yêu cầu yêu cầu ông Huỳnh Văn G, bà Trần Thị N phải trả giá trị phần đất có diện tích 198,2 m^2 (thửa 97A) thuộc một phần thửa 97, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp Giao Bình, xã Giao Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre là 277.480.000 đồng (Hai trăm bảy mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị G về việc yêu cầu yêu cầu ông Huỳnh Văn G, bà Trần Thị N phải trả giá trị căn nhà và cống nông chứa nước trên đất.

Buộc ông Huỳnh Văn G, bà Trần Thị N phải trả cho bà Huỳnh Thị G giá trị căn nhà và cống nông chứa nước là 13.932.000 đồng (Mười ba triệu chín trăm ba mươi hai ngàn đồng).

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Văn G.

Buộc bà Huỳnh Thị G cùng các thành viên trong gia đình bà Giới gồm ông Phạm Văn Khiển, ông Phạm Văn Văn Chăn và bà Phạm Thị Thơ phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Huỳnh Văn G phần đất có diện tích 198,2 m^2 (thửa 97A) thuộc một phần thửa 97, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp Giao Bình, xã Giao Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre *(Độ dài, tứ cận có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).*

Ghi nhận ông Huỳnh Văn G tự nguyện hỗ trợ chi phí di dời cho bà Huỳnh Thị G số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Ông Huỳnh Văn G và bà Trần Thị N được quản lý, sử dụng toàn bộ căn nhà và cống nông chứa nước trên đất.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật bà Huỳnh Thị G được quyền lưu cư 03 (ba) tháng.

3. Chi phí tố tụng: Các chi phí đo đạc, định giá đã được quyết toán xong nên không đề cập.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Ông Huỳnh Văn G, bà Trần Thị N phải liên đới chịu 1.446.600 đồng (Một triệu bốn trăm bốn mươi sáu ngàn sáu trăm đồng).

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội do bà Huỳnh Thị G, ông Huỳnh Văn G và bà Trần Thị N là thân nhân liệt sĩ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng

nhận gia đình liệt sĩ; đồng thời bà Nghiêm là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí.

Hoàn trả cho ông Huỳnh Văn G số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006062 ngày 09/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre
- VKS nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THA DS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đặng Văn Phương